TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DS-PT
Ngày: 20-01-2020
V/v tranh chấp Đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ.
Ông Nguyễn Thành Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Thành-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Hằng-Kiểm sát viên.

Trong ngày 20-01-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 176/2019/TLPT-DS ngày 11-12-2019, về việc"Tranh chấp Đòi lại tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 05-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 264/2019/QĐ-PT ngày 17-12-2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Triệu Minh C; Sinh năm: 1990; Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Bị đơn*:

1. Bà Lê Thị H; Sinh năm: 1973; Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Ông Dương M; Sinh năm: 1965; Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Dương M: Bà Lê Thị H; Sinh năm 1973; Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; theo văn bản ủy quyền ngày 02-7-2019. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Minh H1; Sinh năm: 1975; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người kháng cáo*: Bà Lê Thị H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Triệu Minh C trình bày như sau: Ông C có tham gia dây hụi mùa do bà H và ông M làm chủ hụi, dây hụi mở vào ngày 08-02-2015, có 19 phần, mỗi phần hụi là 5.000.000 đồng, ông C tham gia một phần hụi và đóng hụi sống cho bà H được 08 lần với số tiền là 18.820.000 đồng. Sau đó, bà H bị vỡ hụi nên ông C không đóng hụi cho bà H nữa. Đến ngày 02-3-2018, bà H và ông M trả cho ông C số tiền là 9.500.000 đồng, còn nợ số tiền là 9.320.000 đồng đến nay vẫn chưa thanh toán cho ông C. Nay ông C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H và ông M hoàn trả khoản nợ hụi với số tiền là 9.320.000 đồng.

* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị H, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Dương M trình bày như sau: Bà H thừa nhận có làm chủ dây hụi mùa, mở vào ngày 08-02-2015, có 19 phần, mỗi phần hụi là 5.000.000 đồng, ông C tham gia một phần hụi và đóng hụi sống được 08 lần với số tiền là 18.820.000 đồng. Sau đó, bà H bị vỡ hụi nên ông C không đóng hụi nữa. Khi vỡ hụi, bà H còn nợ ông C số tiền hụi là 18.820.000 đồng và nợ bảy người khác với tổng số tiền là 511.495.000 đồng. Sau khi bà H nhận tiền đền bù đất của Ban giải phóng mặt bằng, sáng ngày 02-3-2018 bà H đã thỏa thuận trả 50% số tiền cho 08 chủ nợ với số tiền là 254.999.500 đồng, còn nợ lại 50% với số tiền 256.497.500 đồng cam kết tới ngày 30-3-2019 sẽ trả dứt. Trong đó, trả cho ông C số tiền 9.500.000 đồng, còn nợ lại số tiền 9.320.000 đồng. Nhưng đến chiều ngày 02-3-2018, ông Nguyễn Minh H1 đến nhà gặp bà H và nói các chủ nợ ủy quyền cho ông H1 và các chủ nợ không đồng ý để cho bà H trả số tiền còn lại vào ngày 30-3-2019 và phải trả liền, chỉ lấy chẵn 255.000.000 đồng. Bà H đã đưa tiền cho ông H1 255.000.000 đồng, để trả cho 08 người trong đó có ông C và ông H1 làm biên nhận chung số tiền là 255.000.000 đồng. Đến ngày 09-4-2018, ông H1 nói với bà H là đã mượn tạm số tiền 255.000.000 đồng xài và chưa trả cho 08 người đó, còn hướng dẫn bà H cách trình bày với Tòa án vào ngày 09-4-2018 là cứ hứa đến ngày 30-3-2019 trả cho 08 người, ông H1 sẽ đồng ý, vì ông là đại diện ủy quyền cho 08 người đó. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H xác định tại phiên hòa giải ngày 09-4-2018 do Tòa án nhân dân huyện C tổ chức thì bà H có thừa nhận còn nợ ông C số tiền là 9.320.000 đồng và hứa đến ngày 30-3-2019 sẽ thanh toán. Tuy nhiên, thực tế bà H đã trả số tiền 9.320.000 đồng cho ông C do ông H1 nhận thay và có làm biên nhận chung tổng cộng 255.000.000 đồng vào ngày 02-3-2018, nên bà H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông C. Bà H xác định bà H và ông Dương M là vợ chồng, việc bà H mở các dây hụi là để lấy tiền thù lao phục cho kinh tế chung của vợ chồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh H1 trình bày như sau: Bà H, ông M cho rằng ông H1 nhận số tiền 255.000.000 đồng vào chiều ngày 02-3-2018 là không đúng, mà là nhận vào sáng ngày 02-3-2018, có ghi biên nhận trước mặt vợ chồng bà H, ông M và đại diện Ban đền bù giải phóng mặt bằng Cụm công nghiệp A, xã H. Sau đó, ông H1 qua Quán cà phê T giao số tiền này cho 08 người chủ nợ, mỗi người nhận 50% số tiền mà bà H nợ, trong đó ông C nhận số tiền 9.500.000 đồng, bà H còn

nợ lại ông C số tiền là 9.320.000 đồng. Trước khi nhận số tiền 255.000.000 đồng, thì bà H có yêu cầu ông H1 phải soạn cho 08 người chủ nợ mỗi người 01 biên nhận riêng để những người này ký trước mặt vợ chồng bà H, ông M, đồng thời bà H yêu cầu ông H1 ghi thêm 01 biên nhận chung cho 08 người là 255.000.000 đồng để chi trả lại cho 08 người chủ nợ, trong đó có ông C. Ông H1 đã làm theo yêu cầu của bà H và ông M. Như vậy, bà H và ông M vẫn còn nợ ông C khoản nợ hụi với số tiền là 9.320.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của ông C.

* Vụ án được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 05-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 351 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 30 của Nghị Định 144/NĐ- CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ, về họ, hụi, biêu, phường.

- Chấp nhận yêu cầu của ông Triệu Minh C kiện bà Lê Thị H và ông Dương M.

- Buộc bà Lê Thị H và ông Dương M phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Triệu Minh C số tiền hụi là 9.320.000 đồng.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả tại giai đoạn thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 19-11-2019, bị đơn Lê Thị H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Bà H đã hoàn trả xong khoản nợ cho ông Triệu Minh C.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn Lê Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng như sau:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là "Đòi lại tài sản". Xét kháng cáo của bị đơn Lê Thị H là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn Triệu Minh C vắng mặt khi đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và bị đơn Dương M vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền của họ tham gia phiên tòa. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo do bị đơn Lê Thị H lập và nộp trực tiếp cho Tòa án nhân dân huyện C vào ngày 11-9-2019 là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 05-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

[3] Về xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo Đơn khởi kiện của nguyên đơn Triệu Minh C yêu cầu bà Lê Thị H và ông Dương M hoàn trả khoản nợ là 9.320.000 đồng. Mặc dù, khoản nợ mà ông C yêu cầu bà H và ông M hoàn trả là xuất phát từ hợp đồng góp hụi. Tuy nhiên, vào ngày 09-4-2018 giữa hai bên đã tính toán khoản nợ phải thanh toán, thỏa thuận thời hạn thanh toán nợ. Sau đó, ông C cho rằng bà H và ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán khoản nợ còn lại là 9.320.000 đồng nên khởi kiện ra Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là "Đòi lại tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn Lê Thị H: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C và bà H đều thừa nhận ông C có tham gia chơi dây hụi mùa mở ngày 08-02-2015, mỗi phần hụi là 5.000.000 đồng do bà H và ông M làm chủ hụi, ông C tham gia 01 phần hụi và đã đóng tiền hụi cho bà H 08 lần với tổng số tiền là 18.820.000 đồng. Phía ông C xác định vào ngày 02-3-2018, ông Nguyễn Minh H1 đã đại diện ông C và 07 chủ nợ khác của bà H và ông M nhận số tiền 255.000.000 đồng để giao lại cho các chủ nợ, trong đó ông C được bà H thanh toán số tiền là 9.500.000 đồng, bà H còn nợ lại ông C số tiền là 9.320.000 đồng. Ngược lại, phía bà H cho rằng sáng ngày 02-3-2018 bà thanh toán cho ông C trực tiếp nhận số tiền 9.500.000 đồng và chiều ngày 02-3-2019, ông H1 đại diện cho ông C và 07 người khác nhận số tiền 255.000.000 đồng, để giao lại cho ông C số tiền là 9.320.000 đồng. Tuy nhiên, tại Biên bản hòa giải ngày 09-4-2018 do Tòa án nhân dân huyện C lập thì bà H vẫn thừa nhận còn nợ ông C số tiền là 9.320.000 đồng và cam kết đến ngày 30-3-2019 thanh toán cho ông C. Do đó, việc bà H xác định vào ngày 02-3-2018 đã thanh toán xong khoản nợ cho ông C là không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bà H và ông M còn nợ ông C số tiền là 9.320.000 đồng là có căn cứ. Từ đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C và buộc bà H và ông M có trách

nhiệm hoàn trả cho ông C số tiền là 9.320.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lê Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là bà Lê Thị H chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, điểm b khoản 1 Điều 289 và khoản 3 Điều 298 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lê Thị H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 05-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng và được tuyên lại như sau:

- Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Minh C đối với bà Lê Thị H và ông Dương M về việc đòi lại tài sản.

- Xử buộc bà Lê Thị H và ông Dương M có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Triệu Minh C số tiền là 9.320.000 đồng (Chín triệu, ba trăm hai mươi ngàn đồng).

- Về nghĩa vụ thi hành án:

+ Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H và ông Dương M chịu án phí dân sự sơ thẩm là 466.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi sáu ngàn đồng). Ông Triệu Minh C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả cho ông Triệu Minh C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006820 ngày 02-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị H chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001202 ngày 20-11-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng, bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thanh Vũ